TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 06 - 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Quốc Chinh
Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Bành Trọng Bình
Bà Bùi Thị Kim Dung

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 06 năm 2024 tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2024/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nông Thị Quỳnh N** – SN: 2002

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Trần Kỹ T** – SN: 2001

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nông Thị Quỳnh N trình bày:

Chị Nông Thị Quỳnh N và anh Trần Kỹ T đã tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/10/2022. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung cháu Trần Hoài D – SN: 21/10/2022 nhưng về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nhất là vấn đề tình cảm. Anh T thường xuyên ham chơi, không chăm lo gia đình, nợ nần chồng chất. Tuy vợ chồng anh chị được hai bên gia đình cũng như chính quyền góp ý, khuyên bảo nhưng anh chị không thể sống hòa hợp được với nhau nên anh chị đã sống ly thân với nhau. Nay chị

thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn nếu cứ níu kéo sẽ không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Kỹ T.

Về con chung: Chị và anh Trần Kỹ T không có con nuôi, con riêng anh chị có 01 con chung cháu Trần Hoài D – SN: 21/10/2022. Nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu D cho đến khi 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh Trần Kỹ T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Kỹ T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông qua Ủy ban nhân dân xã E niêm yết thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại UBND xã E, tại nhà anh Trần Kỹ T và tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp tuy nhiên anh T đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Do vậy anh T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

Tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26 tháng 4 năm 2024 nguyên đơn đã được tiếp cận, công khai chứng cứ, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận gì, Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204, và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị Quỳnh N, xử cho chị Nông Thị Quỳnh N được ly hôn anh Trần Kỹ T; Về con chung giao con chung là cháu Trần Hoài D cho chị Nông Thị Quỳnh N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nông Thị Quỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Kỹ T có nơi cư trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Trần Kỹ T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông qua Ủy ban nhân dân xã E, niêm yết thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại UBND xã E, tại nhà anh Trần Kỹ T và tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tuy nhiên anh T đều không hợp tác, không có mặt tại Tòa án. Ngày 10/05/2024 chị Nông Thị Quỳnh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nông Thị Quỳnh N và anh Trần Kỹ T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/10/2022 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị Quỳnh N và anh Trần Kỹ T là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị N và anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tính tình không hợp, nhất là vấn đề tình cảm, anh T thường xuyên ham chơi, nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình nên anh chị đã sống ly thân với nhau. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị N và anh T không còn, mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị Nông Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Trần Kỹ T.

[4] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy chị N và anh T không có con nuôi, con riêng, anh chị chỉ có 01 con chung là cháu Trần Hoài D – SN: 21/10/2022 tính đến ngày ly hôn cháu D dưới 36 tháng tuổi. Nay chị N có nguyện vọng nuôi con, xét yêu cầu nuôi con của chị N, nhận thấy chị N hiện có nhà tại thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đang làm công nhân, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng nên có đủ khả năng chăm sóc, giáo dục con. Đối với anh Trần Kỹ T thường xuyên ham chơi, không chăm lo cho con, không có trách nhiệm với gia đình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giao con cho anh T nuôi dưỡng mà cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Nông Thị Quỳnh N, giao cháu Trần Hoài D cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nông Thị Quỳnh N và anh Trần Kỹ T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Chị Nông Thị

Quỳnh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị Quỳnh N, xử cho chị Nông Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Trần Kỹ T.

Về con chung: Giao cháu Trần Hoài D – SN: 21/10/2022 cho chị Nông Thị Quỳnh N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị Quỳnh N không được quyền ngăn cản anh Trần Kỹ T đến thăm nom, chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Kỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nông Thị Quỳnh N và anh Trần Kỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0003542 ngày 07/02/2024.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Quốc Chinh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.